

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VEGA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VEGA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VEGA INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VEGA

2. Mã số doanh nghiệp: 2400918493

3. Ngày thành lập: 26/08/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Núi Hiều, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0962238935

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
3.	Trồng cây mía	0114
4.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
5.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
6.	Trồng cây ăn quả	0121
7.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
8.	Trồng cây chè	0127
9.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
10.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
11.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
14.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
15.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
16.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
17.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	1050
18.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
19.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
20.	Sản xuất sợi	1311
21.	Sản xuất vải dệt thoi	1312

22.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
23.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
24.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
25.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
26.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
27.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
28.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
29.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
30.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
31.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
32.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
33.	Sản xuất giày, dép	1520
34.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quần gỗ	1610
35.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
38.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
39.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
40.	Xây dựng nhà ở Chi tiết: - Xây dựng tất cả các loại nhà ở như: + Nhà cho một hộ gia đình, + Nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng. - Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại. Loại trừ: - Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan); - Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).	4101(Chính)

41.	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: - Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như: + Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, ví dụ: nhà máy, xưởng lắp ráp... + Bệnh viện, trường học, nhà làm việc, + Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại, + Nhà ga hàng không, + Khu thể thao trong nhà, + Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm, + Kho chứa hàng, + Nhà phục vụ mục đích tôn giáo, tín ngưỡng. - Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng; Loại trừ: - Cải tạo các công trình xây dựng đúc sẵn hoàn chỉnh từ các bộ phận tự sản xuất nhưng không phải bê tông, xem ngành 16 (Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện) và ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); - Xây dựng các công trình công nghiệp, loại trừ công trình nhà được phân vào nhóm 42930 (Xây dựng công trình chế biến, chế tạo); - Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan); - Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).	4102
42.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
43.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
44.	Xây dựng công trình điện	4221
45.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
46.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
47.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
48.	Xây dựng công trình thủy	4291
49.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
50.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
51.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
52.	Phá dỡ	4311
53.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
55.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
56.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
59.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
60.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
61.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
62.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
63.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
64.	Bán mô tô, xe máy	4541
65.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
66.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
67.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
68.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
69.	Bán buôn thực phẩm	4632
70.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
71.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
73.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
74.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
75.	Bán buôn tổng hợp	4690
76.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
77.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
78.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
79.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
80.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
81.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
82.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
83.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
84.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
85.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
86.	Bốc xếp hàng hóa	5224
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar phòng hát karaoke, vũ trường)	5510

88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
89.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.	5629
90.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ (trong đó cung cấp dịch vụ đồ uống là chủ yếu).	5630
91.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
92.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản;	6820
93.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế nội - ngoại thất công trình, thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu trong trình	7110
94.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7410
95.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
96.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

97.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Hoạt động lập danh sách, tuyển dụng lao động, giới thiệu việc làm, những người được giới thiệu không làm trong các công ty môi giới - Tìm kiếm, lựa chọn, giới thiệu và sắp xếp lao động bao gồm cả quản lý; - Hoạt động của các hãng tuyển dụng lao động trên mạng.	7810
98.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Hoạt động cung cấp nguồn lao động dài hạn, ổn định, quản lý nguồn lao động trong nước (Loại trừ: Cung cấp nguồn lao động với vai trò giám sát hoặc quản lý kinh doanh phân vào nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với ngành kinh doanh đó; Cung cấp chỉ một yếu tố nguồn lao động phân vào nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với yếu tố đó). - Hoạt động cung cấp nguồn lao động dài hạn, ổn định, quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; - Hoạt động đại diện cho người lao động trong trường hợp liên quan đến việc thanh toán tiền lương, thuế và các vấn đề về tài chính hoặc nguồn lao động, nhưng không có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát người lao động. (Loại trừ: Cung cấp nguồn lao động với vai trò giám sát hoặc quản lý kinh doanh, được phân theo nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với ngành kinh doanh đó; Cung cấp chỉ một yếu tố nguồn lao động, xem nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với yếu tố nguồn lao động đó).	7830
99.	Giáo dục nhà trẻ	8511
100.	Giáo dục mẫu giáo	8512
101.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
102.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
103.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
104.	Hoạt động thể thao khác	9319
105.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
106.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Hoạt động của các sàn nhảy; - Hoạt động của các phòng hát karaoke.	9329
107.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

108.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 250.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 25.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN TRỌNG TÙNG	Cụm 1, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000. 000	100.000.000.00 0	40,000	111987310	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000. 000	100.000.000.00 0	40,000		
2	LÊ THỊ THỦY	Thôn Chằm, Xã Tăng Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	7.500.0 00	75.000.000.000	30,000	122335393	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	7.500.0 00	75.000.000.000	30,000		

3	PHẠM HUYỀN TRANG	Cụm 1, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	7.500.0 00	75.000.000.000	30,000	0220890049 13
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	7.500.0 00	75.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ MẠNH THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/11/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022088006231

Ngày cấp: 21/08/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu trới 10, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 4, khu trới 10, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang